

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2023

“V/v hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bui Đình Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Luận và bà Thái Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Phúc – Kiểm sát viên.

Vào hồi 07 giờ ngày 15/8/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp “ *Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị Thu H, sinh năm: 1996; địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Sỹ S, sinh năm: 1987; địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2023, văn bản tự khai và tại phiên tòa chị Lương Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Thu H kết hôn với anh Trần Sỹ S vào ngày 30/12/2015 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Sau kết hôn vợ chồng về sống với bố mẹ anh S tại tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S đi làm nhưng không gửi tiền về cho vợ nuôi con và thường xuyên rượu chè, đánh đập, xúc phạm vợ. Vì hạnh phúc hôn nhân không còn nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2023 đến nay. Nay chị H nhận thấy không còn tình cảm với anh S nữa nên chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Sỹ S.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Trần Thị Mỹ G, sinh ngày: 21/9/2015. Thời điểm vợ chồng sống ly thân thì cháu G ở với chị H. Tuy nhiên, sau khi anh S đón cháu về thăm ông bà nội thì anh S giữ con lại và không cho chị H tiếp xúc, gặp gỡ con. Nếu được ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và khoản nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các buổi hòa giải tại tòa án và tại phiên tòa anh Trần Sỹ S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn dựa trên tình yêu từ nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2015 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian, mâu thuẫn không thể hòa giải nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Trần Thị Mỹ G, sinh ngày: 21/9/2015. Hiện cháu G đang ở với anh S và ông bà nội. Nếu ly hôn anh S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu G và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về tố tụng và đề xuất đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên toà hôm nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, trình tự thủ tục hoà giải, thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn chị Lương Thị Thu H và bị đơn anh Trần Sỹ S chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lương Thị Thu H ly hôn anh Trần Sỹ S.

+ Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Trần Thị Mỹ G, sinh ngày 21/9/2015 cho anh Trần Sỹ S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Chị Lương Thị Thu H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản và khoản nợ chung: Các đương sự không yêu cầu toà án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị Lương Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” giữa chị Lương Thị Thu H và anh Trần Sỹ S, cùng cư trú tại tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đ có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Qua xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Lương Thị Thu H và anh Trần Sỹ S đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2015 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh, hôn nhân như vậy là hợp pháp. Từ thời điểm kết hôn cho đến nay theo chị H trình bày thì vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 06 năm, còn anh S trình bày vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do những bất đồng trong cuộc sống. Chị H và anh S đã sống ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần với mong muốn để các bên hàn gắn lại tình cảm vợ chồng tuy nhiên chị H và anh S vẫn giữ nguyên quan điểm được ly hôn. Việc các đương sự có nguyện vọng được ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có một con chung tên là Trần Thị Mỹ G, sinh ngày: 21/9/2015. Thời điểm vợ chồng sống ly thân cháu G sống với chị H một thời gian, nhưng hiện tại cháu G đang sống cùng anh S và bố mẹ đẻ anh S. Tại phiên tòa chị H và anh S đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của các đương sự là hoàn toàn chính đáng, xuất phát từ trách nhiệm của người làm cha làm mẹ đối với con cái. Chị H và anh S đều có tư cách đạo

đức tốt thu nhập ổn định đủ điều kiện kinh tế để đảm bảo nuôi con. Mức thu nhập bình quân mỗi tháng của chị H là 12.000.000 đồng (có xác nhận của chính quyền UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh) và mức thu nhập của anh S mỗi tháng từ 14.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng (có xác nhận của nơi anh S đang làm việc là công ty Cổ phần nhôm và cơ khí xây lắp V).

Tại Biên bản ghi ý kiến ngày 05/6/2023 cháu G có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Lương Thị Thu H. Tuy nhiên, tại Biên bản ghi ý kiến lập ngày 21/6/2023 cháu G lại thay đổi nguyện vọng được ở với bố với lý do ở với bố cháu được bố và ông bà nội yêu thương. Trước thời điểm bố mẹ ly thân cháu học ở trường tiểu học thị trấn Đ nên đã quen với môi trường học tập và bạn bè ở đây nên cháu không muốn đi theo mẹ. Khi Tòa án hỏi lý do tại sao tại Biên bản ghi ý kiến ngày 05/6/2023 cháu G có nguyện vọng được ở với mẹ thì cháu trình bày là do cháu sợ mẹ và mẹ cháu bắt phải nói như vậy.

Hội đồng xét xử xét thấy chị H và anh S đều đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, cháu G lại có nguyện vọng được ở với bố là Trần Sỹ S vì không muốn thay đổi môi trường sống và học tập. Thời gian cháu G ở với bố và ông bà nội cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần, có chỗ ở ổn định. Vì vậy, giao cháu G cho anh Trần Sỹ S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành là có cơ sở theo quy định tại Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản và nợ chung:

Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Lương Thị Thu H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị Thu H và anh Trần Sỹ S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án sơ thẩm (15/8/2023).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị Thu H được ly hôn anh Trần Sỹ S.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Mỹ G, sinh ngày: 21/9/2015 cho anh Trần Sỹ S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Lương Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Trần Sỹ S không yêu cầu.

Chị Lương Thị Thu H có quyền thăm nom ,chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lương Thị Thu H phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm; số tiền này chị H đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0013172 ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị Thu H và anh Trần Sỹ S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/8/2023).

Nơi nhận:

- VKS huyện Đ (2 bản);
- Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND Thị trấn Đ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đình Thông

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND Đức Thọ;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Đức Thọ;
- UBND xã Đức Lạc;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Trọng